

Quảng Châu, ngày 03 tháng 09 năm 2025

**KẾ HOẠCH THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NUÔI DƯỠNG, CHĂM SÓC,
GIÁO DỤC TRẺ 24 -36 THÁNG TUỔI
NĂM HỌC 2025 – 2026.**

Kèm theo Kế hoạch số 88/KH-TrMN ngày 03 tháng 9 năm 2025 của Trường Mầm non Diễn Xuân.)

A. KHUNG THỜI GIAN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

TT	Chủ đề	Chủ đề nhánh	Thời gian	Tuần
1	Trường mầm non –Vui tết trung thu (4 Tuần)	08/09 -> 12/09 - Ổn định nề nếp		
		- Bé và các bạn	15/9 – 19/9	Tuần 1
		- Lớp học của bé	22/9 – 26/9	Tuần 2
		- Bé vui tết trung thu	29/9 - 03/10	Tuần 3
		- Các cô giáo của bé	6/10 - 10/10	Tuần 4
2	Đồ dùng, đồ chơi của bé – Ngày vui 20/10 (4 Tuần)	- Ngày vui 20/10	13/10 - 17/10	Tuần 5
		- Đồ chơi của bé	20/10 - 24/10	Tuần 6
		- Trang phục, đồ dùng của bé	27/10 - 31/10	Tuần 7
		- Cơ thể bé	03/11 - 07/11	Tuần 8
3	Gia đình của bé – Ngày 20/11 (4 Tuần)	- Những người thân trong gia đình bé.	10/11 - 14/11	Tuần 9
		- Ngày hội cô giáo (Ngày 20/11)	17/11 - 21/11	Tuần 10
		- Đồ dùng để ăn trong gia đình	24/11 - 28/11	Tuần 11
		- Đồ dùng để uống trong gia đình	01/12 - 5/12	Tuần 12
4	Những con vật đáng yêu – Ngày 22/12 (5 Tuần)	- Con vật nuôi trong gia đình	08/12 – 19/12	Tuần 13 Tuần 14
		- Bé yêu chú bộ đội	22/12 - 26/12	Tuần 15
		- Con vật sống dưới nước	29/12 – 02/01	Tuần 16
		- Một số con vật sống trong rừng	05/01 – 09/01	Tuần 17

5	Cây xanh và những bông hoa đẹp (3 Tuần)	- Bé yêu cây xanh	12/01 – 16/01	Tuần 18
		- Những bông hoa đẹp	19/01 – 30/01	Tuần 19- Tuần 20
6	Tết và mùa xuân (2 Tuần)	- Ngày tết trên quê hương bé	02/02 – 6/02	Tuần 21
		Nghỉ tết nguyên đán từ 09/02 đến 20/02/2026		
		- Mùa xuân của bé	23/2- 27/2	Tuần 22
7	Một số loại rau, củ, quả – Ngày vui 8/3 (4 Tuần)	- Một số loại rau ăn lá	2/3 – 6/3	Tuần 23
		- Ngày vui 8/3	9/3- 13/3	Tuần 24
		- Các loại quả bé thích	16/3 – 20/3	Tuần 25
		- Một số loại rau ăn củ	23/3 – 27/03	Tuần 26
7	Bé thích đi bằng phương tiện giao thông (4 Tuần)	- Phương tiện giao thông đường bộ	30/3 – 10/4	Tuần 27 Tuần 28
		- Phương tiện giao thông đường hàng không, đường sắt	13/4 – 17/4	Tuần 29
		- Phương tiện giao thông đường thủy	20/4 – 24/4	Tuần 30
8	Mùa hè đến (3 Tuần)	- Thời tiết mùa hè	27/4 - 1/5	Tuần 31
		- Quần áo, trang phục mùa hè	4/5 – 8/5	Tuần 32
		- Bé làm được làm gì trong mùa hè	11/5 – 15/5	Tuần 33
9	Bé lên mẫu giáo – Mừng ngày sinh nhật Bác Hồ kính yêu (2 Tuần)	- Bé chuẩn bị lên mẫu giáo	18/5 – 22/5	Tuần 34
		- Mừng ngày sinh nhật Bác Hồ kính yêu	25/05 – 29/05	Tuần 35
Tổng số			35 Tuần	

B. KẾ HOẠCH NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Nội dung	Phương pháp hình thức thực hiện	Người thực hiện, người phối hợp thực hiện	Lưu ý/ điều chỉnh
1. Tổ chức bữa ăn	a. Số lượng và chất lượng bữa ăn: - Số bữa ăn: Hai bữa chính và một bữa phụ. - Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi: Trẻ ăn cơm thường - Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một cả ngày: 600 - 651 Kcal. + Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu: Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần. Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần. - Bữa ăn bán trú nên đáp ứng các tiêu chuẩn: Khuyến khích bữa chính có trên 10 loại thực phẩm và có từ 3 đến 5 loại rau, củ; thực đơn bữa chính của trẻ gồm: Cháo, cơm, món xào, món mặn, canh và tráng miệng; - Nhằm kích thích trẻ hứng thú tham gia hoạt động ăn tại trường, tạo cơ hội rèn kỹ năng tự phục vụ của trẻ, công bằng với trẻ trong hoạt động ăn - Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa. - Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn). - Nước uống cho trẻ phải được đun sôi kỹ hoặc sử dụng nước uống đóng chai đã được kiểm nghiệm và đựng trong bình hay ấm có nắp đậy kín và nên sử dụng trong ngày, không được dùng nước sôi để 2-3 ngày vẫn sử dụng lại. Mùa đông chú ý ủ nước ấm cho trẻ uống. b. Chăm sóc bữa ăn <i>* Trước khi ăn:</i> - Chuẩn bị đầy đủ bàn ghế, khăn, đĩa, giấy lau,... - Tổ chức cho trẻ ăn tại lớp phải đảm bảo thoáng mát,	CBQL, Giáo viên,	

	không kê bàn ăn sát nhau, đảm bảo khoảng cách giữa các trẻ, giáo dục trẻ kỹ năng vệ sinh trước và sau khi ăn; <i>* Trong khi ăn:</i> - Kết hợp giáo dục trẻ hành vi vệ sinh văn minh trong ăn uống: biết mời cô và các bạn trước khi bắt đầu ăn, ngồi ăn ngay ngắn, không co chân lên ghế, ăn từ tốn, nhai kỹ, không nói chuyện và đùa nghịch trong khi ăn. Giáo viên cần tạo không khí vui vẻ trong khi ăn. - Cần quan tâm hơn đối với những trẻ mới đi học, trẻ mới tập ăn, trẻ biếng ăn, trẻ ăn chậm, trẻ yếu hay trẻ mới ốm dậy. - Khi trẻ có biểu hiện ăn kém, cô giáo phải tìm hiểu nguyên nhân để tìm biện pháp hỗ trợ trẻ. - Chú ý đề phòng nguy cơ trẻ bị hóc, sặc trong khi cho trẻ ăn và cô cần nắm được thao tác sơ, cấp cứu khi trẻ bị hóc, sặc, ngạt, tắc đường thở. <i>* Sau khi ăn:</i> - Giáo viên hướng dẫn trẻ cất bát thìa, ghế vào nơi qui định nhắc trẻ lau miệng, uống nước, đi vệ sinh. Đánh răng hoặc súc miệng trước khi đi ngủ để tránh trẻ ngậm thức ăn trong miệng và không bị sâu răng. - Đồ dùng cá nhân khăn mặt, ca cốc uống nước, phải có ký hiệu đảm bảo an toàn vệ sinh và tuyệt đối không được dùng chung; - Nhà trường phối hợp phụ huynh để kiểm tra giám sát việc chuẩn bị tổ chức bữa ăn cho trẻ tại nhà bếp và nhóm lớp để nhắc nhở, điều chỉnh kịp thời khi thấy những việc chưa phù hợp.		
2. Tổ chức giấc ngủ	Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút). Gối, chiếu cho trẻ ngủ phải được giặt, phơi thường xuyên không để ẩm mốc <i>* Trước lúc cho trẻ ngủ:</i> - Kiểm tra xem trẻ có ngậm thức ăn trong miệng không, nhắc trẻ có thói quen uống nước trước khi đi ngủ. - Lúc đầu cô giúp đỡ trẻ sau khi trẻ đã quen cô tập cho trẻ tự đi vệ sinh, lấy chăn gối; - Kiểm tra số trẻ trong lớp tránh trường hợp trẻ đi ra ngoài lớp. Giáo viên chú ý cởi bớt quần áo cho trẻ trước lúc ngủ (đối với mùa đông). <i>* Trong khi ngủ</i> - Giáo viên phải trực để quan sát trẻ, xử lý kịp thời các tình huống có thể xảy ra trong khi ngủ. - Thời gian trẻ mới đến trường chưa quen ngủ trưa, lạ lớp, lạ bạn, lạ MT trẻ khó ngủ giáo viên động viên trẻ và có thể cho trẻ ngủ sau, không được dọa nạt, phạt mắng	- Giáo viên chủ nhiệm	

	trẻ. Giáo viên động viên trẻ nói nhỏ nhẹ không làm ảnh hưởng đến giấc ngủ bạn khác * Sau khi thức dậy - Giáo viên cần quan tâm đến những trẻ đang muốn ngủ, ngái ngủ có thể cho trẻ dậy sau tránh thức giấc đột ngột làm ảnh hưởng đến tâm lý trẻ, trẻ mệt mỏi không muốn tham gia hoạt động chiều. - Tập cho trẻ thói quen đi vệ sinh sau khi ngủ dậy, cất gối, chiếu vào nơi qui định, cho trẻ chơi 1 trò chơi chuyển tiếp hoặc trò chuyện, hát để tập cho trẻ thoải mái trước khi vào ăn bữa phụ.		
3. Tổ chức vệ sinh	a. Vệ sinh cô: - Đối với giáo viên khi thực hiện chăm sóc trẻ: Đảm bảo quần, áo, đầu tóc gọn gàng, móng tay được cắt ngắn, trước lúc cho trẻ ăn hoặc tiếp xúc với thức ăn, chăm sóc trẻ bàn tay luôn được vệ sinh sạch sẽ, rửa tay bằng xà phòng. Đeo khẩu trang khi chia thức ăn cho trẻ - Khám sức khỏe định kỳ hàng năm b. Vệ sinh cá nhân trẻ - Yêu cầu phải chuẩn bị đủ đồ dùng vệ sinh cá nhân cho trẻ và đồ dùng phải có ký hiệu riêng, tuyệt đối không được dùng chung. - Tập cho trẻ thói quen vệ sinh rửa tay sau khi học, chơi xong, trước và sau khi ăn, vệ sinh khi tay bẩn; nhà trường phải chuẩn bị đủ cho các lớp nước rửa tay hoặc xà phòng (xà phòng, nước rửa tay, dung dịch sát khuẩn phải để ở vị trí thích hợp tiện cho trẻ khi sử dụng). - Các lớp đều có giấy vệ sinh cho trẻ đảm bảo chất lượng; có khăn giấy để cho trẻ lau mũi khi cần và giấy tại nhà vệ sinh. - Trong vệ sinh cá nhân yêu cầu giáo viên cần quan tâm đến trẻ trong giờ đón, trả trẻ tránh trường hợp quần áo có mùi mồ hôi đến lớp sẽ không đảm bảo vệ sinh cho bạn ngồi bên cạnh (nhắc phụ huynh đưa thêm quần áo dự phòng để giáo viên có thể tắm, thay quần áo cho trẻ khi cần thiết). - Trong thời điểm dịch bệnh đang xảy ra yêu cầu giáo viên thực hiện tốt việc chăm sóc vệ sinh cá nhân cho trẻ; hướng dẫn trẻ súc miệng, giáo viên có thể pha nước muối loãng để tại lớp cho trẻ súc miệng. - Quần áo, dây dép của trẻ phải đảm bảo sạch sẽ, gọn gàng, tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh rèn cho trẻ thói quen chăm sóc vệ sinh cá nhân, mặc quần áo phù hợp với mùa. c. Vệ sinh môi trường nhóm, lớp * Vệ sinh đồ dùng, đồ chơi:	Giáo viên và bảo vệ	

	- Xây dựng lịch để vệ sinh lau chùi đồ dùng, đồ chơi hàng tuần, hằng ngày tùy theo điều kiện của lớp học; Làm sao đồ dùng đồ chơi không bị bụi bẩn, trần nhà, cửa sổ không có bụi bẩn, sắp xếp phòng kho của lớp gọn gàng, khoa học để dễ lấy, để chất tránh đồ dùng chất đầy, luộm thuộm trong kho nên hằng ngày giáo viên lười không đưa ra sử dụng. - Đồ dùng cốc uống nước, thìa, bát được rửa sạch và tiệt trùng hằng ngày bằng nước sôi hoặc hấp sấy; - Đồ dùng bàn ghế mỗi tuần vệ sinh lau rửa 1 lần; Chăn gối được phơi thường xuyên khi có nắng, giặt mỗi tuần, hoặc vài tuần một lần tùy điều kiện thực tế của nhà trường nhưng phải đảm bảo vệ sinh. - Nhà vệ sinh của trẻ: Nhà vệ sinh cần được cọ rửa sạch sẽ hằng ngày trước khi ra về. Hàng tuần tổng vệ sinh toàn bộ khu vực này. - Bô đi vệ sinh của trẻ được cọ rửa bằng dung dịch sát khuẩn hằng ngày và được úp khô ráo. + Dùng dung dịch sát khuẩn có chứa clo để tẩy rửa bề mặt sàn nhà vệ sinh và bồn cầu. Rửa sạch thảm chống trượt bằng xà phòng. Lau khô sàn nhà vệ sinh, không để ẩm và ứ đọng nước. + Nền nhà vệ sinh luôn phải khô ráo. + Phải cất các sản phẩm tẩy rửa ở nơi an toàn. + Không có mùi hôi khai của nước tiểu và phân. + Không dùng khoá cửa trong nhà vệ sinh của trẻ. + Mùa đông pha nước ấm cho trẻ rửa tay, lau mặt. + Không để giấy vệ sinh bên cạnh nguồn nước. Sử dụng thùng chứa có nắp cho giấy vệ sinh đã qua sử dụng. + Hướng dẫn và giám sát trẻ thực hiện đúng kỹ năng vệ sinh (giáo viên hỗ trợ trẻ đối với trẻ nhỏ chưa thực hiện được các kỹ năng vệ sinh). <i>* Xử lý rác và nước thải trong nhà trường</i> - Phải có thùng rác tại các lớp: Vừa đảm bảo vệ sinh vừa GD trẻ có ý thức bỏ rác đúng nơi qui định, thùng rác phải có nắp đậy và được xử lý hằng ngày. - Nhà trường phải chú trọng việc xử lý các nguồn nước thải trong nhà trường, thường xuyên tổ chức vệ sinh khơi thông cống rãnh tránh nước ứ đọng. - Chú ý nguồn nước sinh hoạt, nếu có hiện tượng bẩn, khắm ó màu phải kiểm tra và xử lý nguồn nước sinh hoạt.		
4. Tổ chức chăm sóc sức khỏe	a. Chăm sóc sức khỏe <i>* Kiểm tra sức khỏe</i> - Trong năm học, nhà trường hợp đồng Bệnh viện đa khoa Phủ Diễn 1 lần/năm nhằm phát hiện sớm bệnh tật của trẻ, có biện pháp điều trị thích hợp.	- CBQL	

và an toàn	Lưu ý khi kiểm tra sức khỏe cho trẻ cần phải ghi đầy đủ các nội dung yêu cầu tại sổ sức khỏe; thông báo kết quả cho cha mẹ trẻ biết sau khi khám sức khỏe <i>* Theo dõi quá trình phát triển thể lực của trẻ.</i> - Theo dõi biểu đồ phát triển trẻ về chỉ số cân nặng và chiều cao 3 tháng 1 lần (vào tháng 9, 12/2025 và tháng 3/2026); - Đối với trẻ suy dinh dưỡng, béo phì theo dõi mỗi tháng 1 lần: có sổ ghi chép và đánh giá sự tiến bộ của trẻ, đưa ra các giải pháp để phối hợp phụ huynh chăm sóc trẻ. <i>b. Phòng và xử lý các bệnh thường gặp:</i> - Phối hợp với trung tâm y tế tuyên truyền với phụ huynh thực hiện đúng lịch tiêm chủng; tuyên truyền cho phụ huynh hiểu được một số tác dụng phụ sau khi trẻ đi tiêm chủng. - Phòng tránh một số dịch bệnh thường xảy ra ở trẻ, và một số dịch bệnh đang lây lan trên địa bàn. Chú ý khi trẻ trong nhà trường bị nhiều trẻ mắc một số bệnh (sốt vi rút, quai bị, sởi, thủy đậu...) cần báo cho gia đình và trung tâm y tế biết để phối hợp xử lý tránh lây lan trong nhà trường. <i>c. Phát hiện sớm và chăm sóc trẻ bị ốm</i> - Bồi dưỡng cho giáo viên cách phát hiện trẻ bị ốm (Sốt, ho, viêm đờ hờ hấp, tiêu chảy..) cách phát hiện các triệu chứng của các bệnh thường gặp ở trẻ, chăm sóc trẻ khi sốt, ho ỉa chảy - Xây dựng tủ thuốc nhà trường yêu cầu có những loại cơ bản sau: + Thuốc sát trùng ngoài da (cồn 70%, cồn iốt loãng 2,5%). + Thuốc hạ sốt. + OERSOL. + Thuốc nhỏ mắt trẻ em + Nhiệt kế, kéo, kẹp bông (pince), các loại nẹp, băng vải để cố định khi có trẻ bị gãy xương. + Bông thấm nước, gạc sạch, băng cuộn, băng dính, dầu cao. Lưu ý: Tủ thuốc để tại phòng y tế, thuốc có nhãn mác và hạn sử dụng, tủ thuốc phải được khóa là giữ sạch sẽ không để các thứ khác vào tủ thuốc. Giáo viên không được tự ý dùng kháng sinh cho trẻ và các loại thuốc khác khi chưa có sự hướng dẫn của nhân viên y tế. Nếu trẻ bị một phụ huynh gửi thuốc nhờ cho trẻ uống thì cần phải có sổ ghi rõ các loại thuốc, phụ huynh hướng dẫn nhờ cho trẻ uống và có sự ký nhận, ký gửi giữa phụ	- Giáo viên chủ nhiệm - Nhân viên y tế, - Trạm y tế xã, - Phụ huynh	
--------------------------	--	--	--

	huynh và giáo viên. d. Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp - Xây dựng phương án đảm bảo an toàn phù hợp với từng nhà trường và địa phương, đặc biệt chú ý phòng chống dịch sốt xuất huyết cho trẻ và tay chân miệng. - Chú trọng làm tốt công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh để thực hiện có hiệu quả công tác đảm bảo an toàn cho trẻ. - Phối hợp trung tâm y tế để bồi dưỡng cho giáo viên về kỹ năng xử trí một số tai nạn thường gặp ở trẻ.		
--	--	--	--

C. KẾ HOẠCH GIÁO DỤC

Mục tiêu	Nội dung
Lĩnh vực phát triển thể chất	
a. Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe	
MT1. Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi Cụ thể: Trẻ trai: Cân nặng: 11,3kg – 18,3kg Chiều cao: 88,7 – 103,5 cm Trẻ gái: Cân nặng: 10,8 – 18,1kg Chiều cao: 87,4 – 102,7cm	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống. - Cân đo theo dõi sức khỏe trẻ qua biểu đồ tăng trưởng 3 lần/năm. - Kiểm tra sức khỏe đầu năm và khám chuyên khoa 01 lần/năm. - Nhận biết trẻ béo phì và suy dinh dưỡng. - Tìm ra nguyên nhân của béo phì và suy dinh dưỡng. - Tập các bài tập thể dục thường xuyên - Vệ sinh trong ăn uống và vệ sinh cá nhân sạch sẽ.
MT 2. Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm và các loại thức ăn khác nhau. - Tên một số món ăn hàng ngày như: cơm, cháo, canh... - Tập luyện nền nếp thói quen tốt trong ăn uống.
MT 3. Trẻ được ngủ 1 giấc buổi trưa.	- Luyện thói quen ngủ 1 giấc trưa.
MT 4. Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định.	- Tập đi vệ sinh đúng nơi qui định.
MT 5. Trẻ làm được một số việc với sự giúp đỡ của người lớn (lấy	- Tập tự phục vụ: + Xúc cơm, uống nước.

nước uống, đi vệ sinh...).	+ Chuẩn bị chỗ ngủ. - Tập nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh. - Luyện một số thói quen tốt trong sinh hoạt: ăn chín, uống chín; rửa tay trước khi ăn; lau mặt, lau miệng, uống nước sau khi ăn; vứt rác đúng nơi quy định. - Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. GDKSN: Tập cầm thìa đúng cách, Tập xúc cơm ăn, Tập ngồi bô Montessori: Trải và cuộn thảm, lấy cát đồ dùng ...
MT 6. Trẻ chấp nhận: đội mũ khi ra nắng; đi giày dép; mặc quần áo ấm khi trời lạnh	+ Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần áo khi bị bẩn, bị ướt. + GDKNS: Tập đi dép, cởi quần, cởi áo
MT 7. Trẻ biết tránh một số vật dụng, nơi nguy hiểm (bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được phép sờ vào hoặc đến gần.
MT 8. Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn, ...) khi được nhắc nhở.	- Nhận biết một số hành động nguy hiểm và phòng tránh.
b. Phát triển vận động	
MT 9. Trẻ thực hiện được các động tác trong bài tập thể dục: hít thở, tay, lưng/bụng và chân.	- Hô hấp: tập hít vào, thở ra. - Tay: giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay. - Lưng, bụng, lườn: cúi về phía trước, nghiêng người sang 2 bên, vặn người sang 2 bên. - Chân: ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân.
MT 10. Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi/ chạy thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô hoặc đi trong đường hẹp có bề vật trên tay.	Tập đi, chạy: - Đi theo hiệu lệnh - Đi bước đều “một- hai” - Đi trong đường hẹp - Đi có mang vật trên tay. - Đi bước qua gậy kê cao - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi bước vào các ô - Đi kết hợp với chạy - Bước lên xuống bậc có vịn - Bước lên xuống bậc cao 15 cm.

	- Chạy theo hướng thẳng - Chạy đổi hướng. - Đứng co 1 chân.
MT 11. Trẻ biết thực hiện phối hợp vận động tay - mắt: tung - bắt bóng với cô ở khoảng cách 1m; ném vào đích xa 1-1,2m.	Tập tung, ném, bắt: - Tung - bắt bóng cùng cô - Tung bóng bằng hai tay - Tung bóng qua dây - Tung bóng lên cao - Ném bóng vào đích - Ném bóng về phía trước
MT 12. Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò để giữ được vật đặt trên lưng	Tập bò, trườn: - Bò thẳng hướng. - Bò thẳng hướng theo đường hẹp. - Bò thẳng hướng và có vật trên lưng. - Bò chui qua cổng. - Bò qua vật cản - Bò theo đường ngoằn ngoèo - Trườn đến đích - Trườn qua vật cản - Trườn chui qua cổng
MT 13. Trẻ biết thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng: ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m).	Tập ném xa, nhún bật: - Ném xa bằng 1 tay - Bật tại chỗ - Bật về phía trước - Bật qua vạch kẻ - Bật qua các vòng - Bật xa bằng 2 chân
MT 14. Trẻ biết thực hiện vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay - thực hiện “múa khéo”.	Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, đảo, vò, xé... Montessori: Học cách gấp đồ vật
MT 15. Trẻ biết phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn; vẽ tổ chim; xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật - Tập xâu, luồn dây, cài, cởi cúc, buộc dây - Chắp ghép hình - Chồng, xếp 6 - 8 khối... - Tập cầm bút tô, vẽ - Lật mở trang sách... Montessori: Xúc hạt từ bát này sang bát khác
Lĩnh vực phát triển nhận thức	
MT 16. Trẻ biết sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, ném để nhận biết đặc	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu. - Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ

điểm nổi bật của đối tượng.	vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc. - Sờ nắn, nhìn, ngửi ... đồ vật, hoa, quả để nhận biết đặc điểm nổi bật. - Sờ nắn đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng - mềm, trơn (nhẵn) - xù xì. - Nếm vị của một số thức ăn, quả (ngọt - mặn - chua)
MT 17. Trẻ biết chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. Sử dụng được một số đồ dùng, đồ chơi quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - Đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm/lớp. NBTN: + Đồ chơi bé thích: Quả bóng, búp bê, xít đu, cầu trượt... + Đồ dùng của bé: Cái quần, cái áo, cái váy, đôi giày, đôi dép, cái mũ... + Bánh Trung thu, đèn ông sao + Đồ dùng của lớp bé: Đất nặn, sáp màu, cái vòng, cái gậy... + Đồ dùng để ăn: Cái bát, cái đĩa, cái thìa, đôi đũa... + Đồ dùng để uống: Cái ấm, cái chén, cái cốc... + Một số đồ dùng của lớp mẫu giáo: Quyển sách, cái bút... - Trò chuyện sáng phương pháp Unis
MT 18. Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi.	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân. - Tên và công việc của những người thân gần gũi trong gia đình. - Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/lớp. NBTN: + Bé và các bạn: Tên bé, tên các bạn... + Bé và những người thân: Bố, mẹ, ông, bà, anh, chị, em... + Lớp học của bé: Bạn trai, bạn gái, tên nhóm/lớp + Các cô giáo của bé + Ngày vui của bà, của mẹ 20/10 + Ngày hội của cô 20/11 + Vui ngày 08/3 + Chú bộ đội... - Trò chuyện sáng phương pháp Unis
MT 19. Trẻ nói được tên và chức năng của một số bộ phận cơ thể	- Tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.

khi được hỏi.	NBTN: - Một số bộ phận trên cơ thể bé: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân... - Khuôn mặt dễ thương... - Đôi bàn tay khéo léo... - Trò chuyện sáng phương pháp Unis
MT 20. Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa quả, con vật quen thuộc.	- Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi quen thuộc - Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi. - Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, rau, hoa, quả quen thuộc. * NBTN: Phương tiện giao thông: - Phương tiện giao thông đường bộ: Xe đạp, xe máy, xe ô tô, xe xích lô... - Phương tiện giao thông đường hàng không, đường sắt: Máy bay, tàu hỏa... - Phương tiện giao thông đường thủy: Thuyền buồm, tàu thủy, ca nô... - Động vật nuôi trong gia đình: Con gà, con vịt; con ngan, con ngỗng; con chó, con mèo; con lợn, con trâu, con bò... - Động vật sống dưới nước: Con cá, con tôm, con cua, con ốc... - Động vật sống trong rừng: Con khỉ, con hươu, con voi, con gấu, con sư tử, con hổ... - Một số loại rau: + Rau muống, rau cải, bắp cải, rau xà lách. + Su hào, cà rốt, khoai tây + Quả bí đỏ, quả bí xanh... - Một số loại hoa: Hoa hồng, hoa cúc, hoa đào, hoa mai, hoa lay ơn, hoa đồng tiền... - Bánh chưng, bánh tét. - Một số loại quả: Quả cam, quả bưởi, quả na, quả chuối, quả đu đủ, quả hồng xiêm... - Một số đồ vật: Cái giường, cái tủ, cái bàn, cái ghế, cái ti vi, cái tủ lạnh... * NBPB: - Rau ăn củ, rau ăn lá, rau ăn quả - Quả tròn, quả dài. - Quả có hạt, quả không có hạt - Hoa cánh tròn, hoa cánh dài - Con vật 2 chân, con vật 4 chân - Bánh chưng, bánh tét (Bánh chưng vuông, bánh tét dài)... - Xe 2 bánh, xe 4 bánh

	- Đèn xanh, đèn đỏ, đèn vàng... - Trò chuyện sáng phương pháp Unis
MT 21. Trẻ nhận biết một số dấu hiệu đặc trưng của mùa hè. Biết chọn trang phục thích hợp trong mùa hè.	Nhận ra một số dấu hiệu đặc trưng của mùa hè; chọn đúng trang phục mùa hè (Quần, áo, mũ..) NBTN: - Mùa hè đến rồi. - Ông mặt trời - Thời tiết, trang phục mùa hè... GDKNS: Chọn quần áo phù hợp thời tiết - Trò chuyện sáng phương pháp Unis
MT 22. Trẻ nhận biết, nói được tên một số đồ dùng, đồ chơi của lớp mẫu giáo	Tên, đặc điểm nổi bật và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi lớp mẫu giáo (Sách vở, bút, đồ chơi lắp ghép) NBTN: - Đồ dùng lớp mẫu giáo (Sách, vở, bút..) - Đồ chơi của lớp mẫu giáo (Đồ chơi nấu ăn, đồ chơi lắp ghép) - Trò chuyện về lớp mẫu giáo của bé. - Trò chuyện sáng phương pháp Unis
MT 23. Trẻ biết chỉ/nói tên hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi màu đỏ/vàng/xanh theo yêu cầu.	- Màu đỏ, vàng, xanh. NBPB: - Tặng em búp bê đồ chơi màu đỏ - Chọn đồ dùng màu xanh cho bé - Chọn đồ chơi màu vàng - Con gà, con vịt màu vàng - Cái bát màu đỏ, cái thìa màu xanh - Bóng to màu đỏ, bóng nhỏ màu vàng - Đồ dùng màu xanh, màu đỏ - Con vật màu xanh, con vật màu vàng - Cắm hoa màu đỏ, màu vàng vào lọ - Quần áo màu xanh, màu đỏ, màu vàng... - HĐVDV: Xâu vòng màu đỏ; Xâu vòng màu xanh; Xâu vòng màu vàng; Xâu vòng lá; Xâu vòng hoa; Xâu vòng màu xanh, màu đỏ; Xâu vòng màu xanh, đỏ xen kẽ; Xâu vòng màu xanh, vàng xen kẽ; Xâu vòng 3 màu xanh, đỏ, vàng... - Trò chuyện sáng phương pháp Unis
MT 24. Trẻ biết chỉ hoặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to/nhỏ theo yêu cầu.	- Kích thước to - nhỏ. - Hình tròn, hình vuông. - Vị trí trong không gian (trên - dưới, trước - sau) so với bản thân trẻ. - Số lượng một - nhiều. * NBPB: - Bát to - bát nhỏ

	- Bóng to - bóng nhỏ - Đĩa to - đĩa nhỏ - Quả to - quả nhỏ - Cá to - cá nhỏ - Đồ chơi to - đồ chơi nhỏ - Lá to - lá nhỏ - Bày quả to, quả nhỏ ra đĩa... - Hình tròn, hình vuông - Hình tròn màu đỏ, hình vuông màu xanh - Hình tròn màu đỏ, hình vuông màu vàng... - Phía trên, phía dưới (so với bản thân trẻ) - Phía trước, phía sau(so với bản thân trẻ)
Lĩnh vực phát triển ngôn ngữ	
MT 25. Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: Cháu cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay.	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau. - Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc. - Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói.
MT 26. Trẻ trả lời được các câu hỏi: “Ai đây?”, “Cái gì đây?”, “...làm gì?”, “....thế nào?” (ví dụ: con gà gáy thế nào?”, ...)	- Nghe các câu hỏi: cái gì? làm gì? để làm gì? ở đâu? như thế nào? - Trả lời và đặt câu hỏi: cái gì?, làm gì?, ở đâu?, thế nào?, để làm gì?, tại sao?...
MT 27. Trẻ hiểu nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên và hành động của các nhân vật	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý. Chủ đề: Trường mầm non – Vui tết trung thu Vệ sinh buổi sáng (Vân Nhi). Đôi bạn nhỏ (Hoàng Anh). Bé làm được việc gì (Sưu tầm). Em bé dũng cảm (Sưu tầm). Bài học đầu tiên của gấu con (Phong theo Lê Bạch Tuyết); Sự tích Tết Trung thu... Chủ đề: Đồ dùng đồ chơi – Ngày vui 20/10 Chào buổi sáng (Nguyễn Thị Quyên). Đôi bạn chó mèo... Chủ đề: Gia đình của bé – Ngày vui 20/11 Thỏ con không vâng lời (Nguyễn Thị Thảo). Khi con ăn chuối (Vân Nhi). Cả nhà ăn dưa hấu (Vũ Hồng Tâm, Nguyễn Thị Tuất, Hồ Lam Hồng); Bé Mai ở nhà (Vũ Hồng Tâm, Nguyễn Thị Tuất, Hồ Lam Hồng). Anh em nhà thỏ (Hoàng Thị Minh Khanh). Thỏ dọn nhà (Kim Chi). Thỏ ngoan (Hoàng Oanh sưu tầm). Chú gấu con ngoan... Chủ đề: Những con vật đáng yêu – Ngày

	22/12 Khi con biết vâng lời (Vân Nhi). Quả trứng (Nguyễn Thái Duy). Mèo con nhút nhát. Con cáo (Nguyễn Duy Thái). Sẻ con (Ngô Quân Miện). Cá và chim (Nguyễn Thị Thảo). Anh bộ đội và lũ trẻ. Cô vịt tốt bụng. Cá rô ron lên bờ. Chiếc đu màu đỏ. ... Chủ đề: Cây xanh và những bông hoa đẹp Cô và các bạn xem hoa (Sưu tầm)... Chủ đề: Tết và mùa xuân: Bé Mai đi chợ Tết (Chế Thùy Như). Chiếc áo mùa xuân. Cả nhà đón Tết. Mùa Xuân đã về... Chủ đề: Một số loại rau, củ, quả - Ngày 8/3 Cây táo (Chế Thùy Như); Quả thị (Nguyễn Thái Duy); Thỏ con ăn gì (Hồ Lam Hồng)... Chủ đề: Bé thích đi bằng phương tiện giao thông Câu chuyện chuyến xe ủi (Lương Thị Bình). Chuyến du lịch của chú gà trống choai (Lương Thị Bình). Vì sao thỏ cụt đuôi. Tàu thủy ti hon. Bé Mai đi chơi công viên. Ô tô con học bài... Chủ đề: Mùa hè đến: Cóc gọi trời mưa (Nguyễn Thị Thảo). Giọt nước tí xíu (Nguyễn Văn Linh). Mẹ tắm cho bé (Sưu tầm) Chủ đề: Bé lên mẫu giáo –Ngày sinh nhật Bác Hồ kính yêu Một ngày bé đến trường. Chiếc ô tô của thỏ trắng. Mèo con nhút nhát... - Lắng nghe khi người lớn đọc sách. - Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh. - Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn.
MT 28. Trẻ phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau.
MT 29. Trẻ đọc được bài thơ, ca dao, đồng dao với sự giúp đỡ của cô giáo.	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, bài hát và truyện ngắn. - Đọc các đoạn thơ, bài thơ ngắn có câu 3-4 tiếng. Chủ đề Trường Mầm non - Tết Trung thu: Đôi mắt của em (Lê Thị Mỹ Phương). Miệng xinh (Phạm Hồ). Bạn mới (Nguyệt Mai). Đi học ngoan. Giúp bạn (Sưu tầm). Giờ ăn (Sưu tầm). Đến lớp (Xuân Hoài). Vườn trẻ (Nhược

Thủy). Bàn tay cô giáo (Định Hải). Đi học (Nguyễn Văn Chương). Thỏ con và mặt trăng (Phạm Hổ). Trăng (Trần Đăng Khoa)...

Chủ đề: Đồ dùng đồ chơi - Ngày vui 20/10

Đi dép (Phạm Hổ). Chia đồ chơi. Khăn đẹp. Giường. Cửa sổ riêng của bé

Chủ đề: Gia đình của bé - Ngày 20/11

Chối ngoan (Sưu tầm). Nụ cười của bé (Tô Thị Hiền). Cháu chào ông ạ (Nguyễn Thị Thảo).

Mẹ và con (Nguyễn Bá Đan). Yêu mẹ (Nguyễn Bảo). Âm và chào (Sưu tầm). Mẹ và cô (Trần Quốc Toàn). Mẹ ru con ngủ (Sưu tầm). Dỗ em (Thùy Dung). Bà và cháu (Phạm Thị Thọ). Bó hoa tặng cô (Sưu tầm)...

Chủ đề: Những con vật đáng yêu - Ngày 22/12

Con cá vàng (Sưu tầm). Tìm ổ (Võ Quảng). Con trâu (Võ Quảng). Đàn bò (Trần Thanh Dịch). Con voi (Phạm Hổ). Gà gáy (Phạm Hổ). Con cua (Trần Mạnh Hào). Ong và bướm (Nhược Thủy). Rong và cá (Phạm Hổ). Gọi nhé (Sưu tầm). Chú gà con (Phạm Hổ). Đàn vịt (Hoàng Thị Minh Khanh). Chú bộ đội (Sưu tầm). Mèo con. Em là bộ đội. Chú bộ đội của em. Thỏ trắng. Đàn lợn con. Con rùa...

Chủ đề: Cây xanh và những bông hoa đẹp

Hoa nở (Thu Hà). Hoa sen (Nguyễn Mai Chi). Cây dây leo (Xuân Tử). ...

Chủ đề: Tết và mùa xuân

Đi chợ tết (Sưu tầm). Mùa xuân (Tú Mỡ). Cây đào. Mưa xuân (Sưu tầm). Tết và bạn nhỏ (Phan Trọng Bảo Viên). Cây đào (Xuân Tử)...

Chủ đề: Một số loại rau, củ, quả - Ngày 8/3

Chăm rau (Sưu tầm). Hoa kết trái (Thu Hà). Cây bắp cải (Phạm Hổ). Quả thị (Thanh Thảo). Củ cà rốt. Chuối. Dán hoa tặng mẹ (Hoàng Long). Cô giáo em, Quà 08/3...

Chủ đề: Bé thích đi bằng phương tiện giao thông

Xe đạp (Phương Nam). Con tàu. Đèn xanh, đèn đỏ (Định Hải). Đi chơi phố. Thuyền ngủ bãi (Triệu Thị Lê). Chiếc máy bay. Tiếng còi tàu. Bé nằm mơ. Xe chữa cháy...

Chủ đề Mùa hè đến:

Cầu vồng (Nhược Thủy). Mưa (Lê Lâm). Trưa

	hè. Bóng mây (Thanh Hảo). Trăng sáng (Nhược Thủy). Nắng bốn mùa. Che mưa cho bạn. Tiết kiệm nước. Sao lấp lánh. Cặp song ca mùa hè. Tia nắng... Chủ đề: Bé lên mẫu giáo – Ngày sinh nhật Bác Hồ kính yêu Bé lên mẫu giáo. Bác Hồ của em. Khăn nhỏ. Bé em tập nói. * Ca dao, đồng dao: - Chi chi chành chành. - Nu na nu nống. - Dung dăng dung dẻ. - Đi cầu đi quán. - Kéo cưa lừa xẻ. - Lộn cầu vòng.
MT 30. Trẻ nói được câu đơn, câu có 5 - 7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm quen thuộc.	- Thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng 1-2 câu đơn giản và câu dài.
MT 31. Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau:	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm, hành động quen thuộc trong giao tiếp.
- Chào hỏi, trò chuyện. - Bày tỏ nhu cầu của bản thân. - Hỏi về các vấn đề quan tâm như: con gì đây? cái gì đây?, ...	
MT 32. Trẻ biết nói to, đủ nghe, lễ phép.	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
Lĩnh vực phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ	
MT 33. Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên, tuổi).	- Nhận biết tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài bản thân.
MT 34. Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích.	- Nhận biết một số đồ dùng, đồ chơi yêu thích của mình.
MT 35. Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời nói.	- Giao tiếp với những người xung quanh.
MT 36. Trẻ nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn, sợ hãi.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.
MT 37. Trẻ biết biểu lộ cảm xúc: vui, buồn, sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận.

MT 38. Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/gần gũi: bắt chước tiếng kêu, gọi.	- Quan tâm đến các vật nuôi.
Mt 39. Trẻ biết chào, tạm biệt, cảm ơn, ạ, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.
MT 40. Trẻ biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi bế em, khuấy bột cho em bé, nghe điện thoại...).	- Thực hiện một số hành vi văn hóa và giao tiếp: chào tạm biệt, cảm ơn, nói từ “ạ”, “vâng ạ”; chơi cạnh bạn, không cầu bạn.
MT 41. Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn: chơi cạnh bạn, không tranh giành đồ chơi với bạn.
Mt 42. Trẻ biết thực hiện một số yêu cầu của người lớn.	- Thực hiện yêu cầu đơn giản của giáo viên. - Thực hiện một số quy định đơn giản trong sinh hoạt ở nhóm, lớp: xếp hàng chờ đến lượt, để đồ chơi vào nơi qui định.
Mt 43. Trẻ biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát / bản nhạc quen thuộc.	- Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu khác nhau; nghe âm thanh của các nhạc cụ. - Hát và tập vận động đơn giản theo nhạc. Chủ đề: Trường Mầm non - Tết trung thu + Hát, vận động: Cô và mẹ. Lời chào buổi sáng (Hong Ngọc). Em búp bê (Xuân Thọ). Bông tròn (Vũ Thanh). Đi nhà trẻ. Đi học về (Hoàng Long, Hoàng Lân). Cùng đi về lớp. Rước đèn... + Nghe hát: Trường chúng cháu là trường mầm non. Em đi mẫu giáo. Em yêu cô giáo. Chim mẹ chim con... Chủ đề: Đồ dùng, đồ chơi của bé - Ngày vui 20/10 + Hát, vận động: Bé ngoan. Hoa tặng mẹ. Đôi dép. Chiếc khăn tay (Văn Tấn)... + Nghe hát: Đồ dùng bé yêu. Chiếc khăn tay. Đồ chơi của bé. Dọn đồ chơi. Đu quay... Chủ đề: Gia đình của bé - Ngày 20/11 + Hát, vận động: Mẹ yêu không nào (Lê Xuân Thọ). Biết vâng lời mẹ. Quà tặng mẹ. Cháu yêu bà (Xuân Giao). Đi ngủ. Giấu tay. Xòe bàn tay... + Nghe hát: Cả nhà đều yêu (Bùi Anh Tôn). Cả nhà thương nhau. Em yêu cô giáo (Bùi

Anh Tôn). Biết vâng lời mẹ (Minh Khang). Bé quét nhà. Ru em. Cho con. Tổ ấm...

Chủ đề: Những con vật đáng yêu - Ngày 22/12

+ Hát, vận động: Con gà trống (Tân Huyền).
Ếch ộp (Văn Chung). Là con mèo (Mộng
Lân). Gà trống mèo con và cún con (Thế
Vinh). Một con vịt; Đàn vịt con. Phi ngựa
(Mộng Lợi Chung). Con cò cánh trắng. Đi một
hai...

+ Nghe hát: Chim chích bông (Vân Dung).
Trời nắng trời mưa (Đặng nhất Mai). Cá vàng
bơi. Con chim vành khuyên. Voi làm xiếc. Cò
lả. Gà gáy le te. Cháu thương chú bộ đội...

Chủ đề: Cây xanh và những bông hoa đẹp

+ Hát, vận động: Hái hoa (Bùi Anh Tôn). Bé
và hoa (Thu Hiền). Như những cánh hoa
(Phạm Đình Ân)...

+ Nghe hát: Màu hoa. Lý cây bông (Dân ca
nam bộ). Hoa trong vườn (Dân ca Thanh
Hóa). Lý cây xanh (Dân ca Nam Bộ). Lý cây
đa (Dân ca quan họ Bắc Ninh). Em là bông
hồng nhỏ. ...

Chủ đề Tết và mùa xuân

+ Hát, vận động: Bé chúc tết, Mùa xuân đến
rồi, Sắp đến tết rồi (Hoàng Vân)...

+ Nghe hát: Chúc xuân. Ngày tết quê em, Mùa
xuân ơi. Em thêm một tuổi...

Chủ đề: Một số loại rau, củ, quả - Ngày 08/3

+ Hát, vận động: Cây bắp cải (Thu Hồng).
Quả (Xanh Xanh). Hoa bé ngoan. Quả 08/3...

+ Nghe hát: Hoa kết trái. Vườn cây của ba.
Bầu và bí, Ra vườn hoa em chơi. Ngày vui
08/3. Hoa trường em ...

Chủ đề: Bé thích đi bằng phương tiện giao thông

+ Hát, vận động: Lái ô tô (Đoàn Phi). Em tập
lái ô tô (Nguyễn Văn Tý). Tàu hỏa (Bùi Anh
Tôn). Đèn xanh, đèn đỏ (Bùi Anh Tôn). Đoàn
tàu nhỏ xíu...

+ Nghe hát: Em đi chơi thuyền (Mộng Liên).
Em đi qua ngã tư đường phố (Hoàng Văn
Yến). Anh phi công ơi (Nhạc Xuân Giao, lời
thơ Xuân Quỳnh). Nhớ lời cô dặn. Bạn ơi có
biết...

Chủ đề Mùa hè đến

	+ Hát, vận động: Mùa hè đến (Nguyễn Thị Nhung). Đếm sao. + Nghe hát: Ánh trăng hòa bình. Cho tôi đi làm mưa với. Nắng sớm. Mưa rơi. Bé và ông mặt trời. Cháu vẽ ông mặt trời. Hè đến... Chủ đề Bé lên mẫu giáo – Mừng ngày sinh nhật Bác Hồ kính yêu + Hát, vận động: Bé đi mẫu giáo. Nhớ ơn Bác. Cùng múa vui... + Nghe hát: Lại đây múa hát cùng cô (Bùi Anh Tôn). Ru con (Dân ca Nam Bộ). Ai yêu nhi đồng bằng Bác Hồ Chí Minh. Bèo dạt mây trôi...
Mt 44. Trẻ thích tô màu, vẽ, nặn, xé, xếp hình, xem tranh (cầm bút đi màu, vẽ nguệch ngoạc).	- Vẽ các đường nét khác nhau, di mẫu, nặn, xé, vò, xếp hình. Chủ đề :Trường Mầm non - Tết trung thu * HĐVĐV: - Xếp đường đi đến trường - Xếp cổng trường * Tạo hình: - Làm quen với cách cầm bút - Tô màu trống lắc - Di màu quả bóng - Tô màu quả bóng - Chơi với đất nặn Chủ đề: Đồ dùng, đồ chơi của bé - Ngày 20/10 * HĐVĐV: - Tháo lắp vòng - Xếp giường cho búp bê * Tạo hình: - Tô màu chiếc cốc - Tô màu chiếc yếm - Tô màu bong bóng - Nặn đôi đũa. Chủ đề: Gia đình của bé - Ngày 20/11 * HĐVĐV: - Xếp nhà bé - Xếp cái bàn, cái ghế * Tạo hình: - Vẽ hoa tặng cô giáo - Tô màu bánh ga tô - Tô màu đường về nhà - Tô màu chiếc áo của mẹ - Tô màu cái xô cho cô cấp dưỡng - Nặn bánh hình tròn.

- Dán cái bát
- Dán quả trứng
- Dán ảnh người thân trong gia đình.

Chủ đề: Những con vật đáng yêu - Ngày 22/12

*** HDVĐV:** - Xếp ao nuôi tôm, cá

- Xếp chuồng cho các con vật nuôi
- Xếp chuồng thú

*** Tạo hình:**

- Tô màu con cá heo
- Tô màu con voi
- Tô màu con vật sống trong rừng, dưới nước, con vật nuôi trong gia đình.
- Nặn thức ăn cho các con vật
- Nặn con giun.
- Tô màu mũ sao vàng

Chủ đề Cây xanh và những bông hoa đẹp *

HDVĐV:

- Xếp bệ đặt cây
- Xếp bệ đặt bình hoa

*** Tạo hình:**

- Tô màu cây xanh.
- Nặn cánh hoa
- Dán lá cho cành hoa.

Chủ đề: Tết và mùa xuân

*** HDVĐV:**

- Xếp mâm ngũ quả ngày Tết
- Bày bánh chưng, bánh tét ra đĩa

*** Tạo hình:**

- Tô màu bánh chưng
- Vẽ mưa mùa xuân
- Tô màu hoa đào
- Dán hoa mùa xuân

Chủ đề: Một số loại rau, củ, quả - Ngày 8/3

*** HDVĐV:**

- Bày quả ra đĩa
- Xếp hàng rào
- Nhặt rau

*** Tạo hình:**

- Tô màu quả táo
- Tô màu củ cà rốt
- Tô màu cây bắp cải
- Nặn quả
- Tô màu hoa hồng.

Chủ đề: Bé thích đi bằng phương tiện giao thông

	* HDVĐV: - Xếp đường đi - Xếp tàu hỏa - Xếp ô tô * Tạo hình: - Tô màu ô tô - Tô màu mũ bảo hiểm. - Tô màu thuyền buồm - Nặn bánh xe - Dán đèn tín hiệu giao thông Chủ đề: Mùa hè đến * HDVĐV - Xếp bể bơi - Xếp áo quần cho bé (Xen kẽ áo, quần) * Tạo hình: - Tô màu chiếc ô - Vẽ các tia nắng - Tô màu trang phục bé - Nặn chiếc phao bơi Chủ đề: Bé lên mẫu giáo – Ngày sinh nhật Bác Hồ kính yêu * HDVĐV: - Xếp hình tháp chóp - Xếp lăng Bác * Tạo hình: Tô màu cái bâng. Tô màu quyển sách. - Tô màu bánh ga tô - Xem tranh
--	---

Người xây dựng kế hoạch

Hiệu trưởng

Lê Thị Bích Nga

Nguyễn Thị Hội